

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẠ LANG
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2022/DS-ST
Ngày: 08-8-2022
V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẠ LANG, TỈNH CAO BẰNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sầm Đức Hiệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Quang
2. Bà Nông Thị Diễm

- Thư ký phiên tòa: Bà La Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang, Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hạ Lang tham gia phiên tòa: Ông Thảm Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hạ Lang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2022/TLST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2022 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 497/2022/QĐXXST - DS ngày 27 tháng 6 năm 2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 585/2022/QĐST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số: 641/TB-TA ngày 27 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đàm Đức A, sinh năm 1951 (Đã chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn:

- Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1955
- Bà Đàm Thị T, sinh năm 1979
- Ông Đàm Văn H, sinh năm 1985
- Ông Đàm Văn H1, sinh năm 1982
- Ông Đàm Xuân Tr, sinh năm 1987

Bà N, bà T, ông H1 và ông Tr ủy quyền cho ông Đàm Văn H tham gia tố tụng (theo văn bản ủy quyền ngày 25/7/2022).

Cùng địa chỉ: Xóm ĐT, xã ĐL, huyện HL, tỉnh Cao Bằng. (Bà N vắng mặt có lý do; bà T, anh H, anh H1 và anh Tr đều có mặt.)

2. Bị đơn: Ông Triệu Văn Th, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Xóm ĐT, xã ĐL, huyện HL, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt).

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên nguyên đơn:

- Ông Đàm Xuân H2, sinh năm 1964.

Người đại diện theo ủy quyền của ông H2: Bà Chu Thị L, sinh năm 1965 (theo văn bản ủy quyền ngày 01/6/2022).

- Bà Đàm Thị U, sinh năm 1955

- Ông Đàm Văn H3, sinh năm 1985

Cùng địa chỉ: Xóm ĐT, xã ĐL, huyện HL, tỉnh Cao Bằng. (Bà L, ông H3 có mặt; bà U vắng mặt có lý do)

4. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên bị đơn:

- Bà Nông Thị S, sinh năm 1944 (Có mặt).

Địa chỉ: Xóm ĐT, xã ĐL, huyện HL, tỉnh Cao Bằng.

- Bà Triệu Thị B, sinh năm 1936 (Có mặt).

Địa chỉ: Xóm Hùng Cầu, xã Thắng Lợi, huyện HL, tỉnh Cao Bằng.

- Ông Triệu Văn B1, sinh năm 1972 (Có mặt).

Địa chỉ: ĐH, thị trấn TN, huyện HL, tỉnh Cao Bằng.

5. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Cộng đồng xóm ĐT. Đại diện là ông Hoàng Văn T – Trưởng xóm ĐT. Địa chỉ: Xóm ĐT, xã ĐL, huyện HL, tỉnh Cao Bằng. (Vắng mặt có lý do).

- Bà Nông Thị O, sinh năm 1952

Địa chỉ: Xóm ĐT, xã ĐL, huyện HL, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt).

6. Người làm chứng: Ông Nông Văn S1, sinh năm 1949

Địa chỉ: Xóm ĐT, xã ĐL, huyện HL, tỉnh Cao Bằng. (Vắng mặt có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/11/2021, bản tự khai và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với nguyên đơn cùng thống nhất trình bày:

Gia đình, dòng họ Đàm của ông Đàm Đức A có đám đất rẫy tại khu đồi Doong Miào, xóm ĐT, xã ĐL, huyện HL, tỉnh Cao Bằng, khoảng hơn 03 ổng giống (đơn vị đo ngày xưa tại địa phương). Nguồn gốc đất do cụ Triệu Thị Th1 (bà nội ông A, đã chết năm 1982) mua với ông Triệu Văn H4 (em trai ruột bà Th1) với giá 5 đồng bạc, có giấy tờ mua bán viết tay bằng chữ Hán Nôm Tây từ thời Vua Bảo Đại. Trên thửa đất hiện có 06 ngôi mộ của dòng họ, trong đó mộ được chôn cất đầu tiên là ông Đàm Văn H5 (chồng bà Triệu Thị Th1) được chôn cất từ những

năm 40 của thế kỷ XX, mới nhất là mộ ông Đàm Văn Tr1 (em ruột ông A) được chôn cất vào năm 2015. Hằng năm, gia đình, dòng họ ông đều thăm nom, sửa sang, hương khói. Ngày 14/4/2021 (03/3 âm lịch) gia đình đi lễ “Tảo Mộ” theo phong tục địa phương thì xảy ra mâu thuẫn, giữa gia đình ông với gia đình ông Triệu Văn Th, vì ông Th cho rằng khu đất rẫy này là của gia đình ông Th. Thừa đất tranh chấp tuy không có bìa đỏ nhưng từ trước đến nay gia đình ông đã chôn cất phần mộ của dòng họ và quản lý, sử dụng ổn định. Nay ông đề nghị công nhận quyền sử dụng thừa đất trên cho gia đình ông và buộc ông Triệu Văn Th chấm dứt hành vi cản trở gia đình ông quản lý, sử dụng khu đất.

Bị đơn ông Triệu Văn Th tại bản tự khai, các văn bản trình bày ý kiến và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với bên bị đơn trong quá trình tố tụng tại Tòa án cùng thống nhất trình bày:

Về nguồn gốc thừa đất đang tranh chấp là do ông, bà, tổ tiên để lại. Khoảng những năm 1936-1937, ông bà nội và anh em họ hàng của ông Th đã tặng cho bà Th1 2/3 diện tích thừa đất đang tranh chấp để bà Th1 chôn cất ông Đàm Văn H5 (chồng bà Th1). Về mối quan hệ họ hàng: Bà Triệu Thị Th1 là em gáo ruột ông Triệu Văn L1 (ông nội của ông Th), là bà cô trong họ Triệu qua nhiều đời chồng mà không có con, sau nhận ông Đàm Văn L1 (bố ruột ông A) làm con nuôi. Đối với 2/3 diện tích khu đất, trên đất có 06 ngôi mộ mà trước đây ông bà nội của ông đã cho dòng họ ông Đàm Đức A chôn cất thì ông không có yêu cầu, còn 1/3 diện tích thừa đất đang tranh chấp theo ông là của ông và anh em dòng họ Triệu. Khu đất tranh chấp hiện chưa ai được cấp bìa đỏ, trước đây là đất thổ canh (ai khai thác được thì người đó canh tác). Nay ông Đàm Đức A khởi kiện, ông không nhất trí với toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Nông Thị O, trong biên bản lấy lời khai tại Tòa án trình bày: Gia đình bà có phần đất tiếp giáp với phần đất hiện ông A với ông Th đang tranh chấp, phần đất ông A, ông Th tranh chấp đã bỏ hoang từ năm 1990 không thấy có ai làm. Trước khi Hợp tác xã tan rã bà có thấy bà Bê Thị H (vợ của ông Đàm Thanh Nh) trồng đỗ trắng, khoai lang, khoai sọ. Phần đất ở góc phía Bắc khu đất tranh chấp giữa ông A với ông Th có nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà hay không thì bà không biết; thực tế phần đất này đã bỏ hoang từ lâu, bà cũng không canh tác sử dụng phần đất này và không có ý kiến gì.

Trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa, đại diện Cộng đồng xóm ĐT không thể tham dự nhưng đã có ý kiến trình bày bằng văn bản: Phần diện tích đất tranh chấp giữa ông A với ông Th có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không thì xóm không biết, tuy nhiên, thực tế ở địa phương các hộ gia đình, cá nhân của hai xóm ĐT và xóm ĐT đã canh tác, quản lý, sử dụng theo tập quán từ lâu, theo đó phần đất và rừng của gia đình, cá nhân nào đã khai hoang, thường canh tác, quản lý, sử dụng thì gia đình, cá nhân đó vẫn tiếp tục quản lý, sử dụng. Xóm không có quy ước, hương ước về việc sử dụng chung phần đất trên và xóm cũng không lưu giữ giấy tờ gì liên quan đến thừa đất.

Người làm chứng ông Nông Văn S vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên đã có lời khai: Theo ông được biết, khu đất đang tranh chấp có nguồn gốc do bà Triệu Thị Th1 mua lại, còn cụ thể mua với ai thì ông không biết. Trước đây khi còn Hợp tác xã khu đất đó trồng mạ, sau khi Hợp tác xã tan rã đất đã bỏ hoang, các cây sâu sâu xung quanh khu đất là cây mọc tự nhiên. Việc chôn cất mộ mả trên khu đất đòi là theo tập quán địa phương, nhưng phải trong phần đất của người đó quản lý, sử dụng. Khoảng năm 1973, khi ông đi “Tảo Mộ” của gia đình thì có được giúp ông Đàm Đức A đắp đất, kè lên xung quanh khu mộ để cao và bằng phẳng hơn.

Ngày 06/4/2022 và ngày 02/6/2022, Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ theo yêu cầu của các bên đương sự, kết quả:

Kiểm tra trên bản đồ, phần đất đang tranh chấp thuộc thửa đất số 259, tờ bản đồ số 1 (bản đồ đất lâm nghiệp xã ĐL năm 2006), tổng diện tích 181645 m², địa chỉ tại LM, BL, xã ĐL, huyện HL, tỉnh Cao Bằng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Cộng đồng xóm BL. Một phần góc phía Bắc của phần đất tranh chấp nằm trên thửa số 236, lô 31, khoảnh 5, tiểu khu 271, tờ bản đồ số 1 Giấy chứng nhận đứng tên hộ gia đình bà Nông Thị O.

Kiểm tra trên thực địa: Phần đất đang tranh chấp có vị trí nằm trên đồi Đoổng Miào, xóm ĐT, xã ĐL, huyện HL, tỉnh Cao Bằng. Trên khu đất có 06 ngôi mộ của dòng họ Đàm, trên đất không trồng cây gì, chỉ có các cây cỏ dại. Khu đất có bờ thửa rõ ràng; xung quanh tứ cận tiếp giáp các thửa đất mà dòng họ Triệu đang canh tác, cụ thể: phía Bắc, phía Đông và phía Nam tiếp giáp các thửa đất thấp hơn đã được các gia đình ông Triệu Văn Th, Triệu Văn B1, Triệu Văn Q, Triệu Văn C, Triệu Văn L1 cải tạo để trồng sắn cao sản, phía Tây tiếp giáp thửa đất có bờ cao hơn khoảng 2m. Tổng diện tích khu đất tranh chấp gồm cả 06 ngôi mộ là khoảng 598 m², riêng phần diện tích đất không có mộ đo từ bờ kè giáp mộ ông Đàm Văn L1 (mộ 6) sang góc phía Bắc là khoảng 219 m². Đo tọa độ bằng máy định vị GPS: Điểm tọa độ bờ kè đá xếp tiếp giáp mộ 6 là X = 600079, Y = 2519705; tọa độ của mộ 1: X = 600065, Y = 2519693, tọa độ của mộ 6: X = 600073, Y = 2519707 (có sơ đồ mô tả kèm theo). Các đương sự đều nhất trí với kết quả xem xét thẩm định.

Ngày 13/7/2022, Tòa án mở phiên tòa, nhưng sau khi kết thúc phần thủ tục bắt đầu, sang phần trình bày của các đương sự, xét thấy nguyên đơn không đảm bảo về sức khỏe để tiếp tục tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định tạm ngừng phiên tòa. Ngày 14/7/2022, nguyên đơn chết. Tuy nhiên, nguyên đơn có những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là vợ và các con.

Tại phiên tòa:

- Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn, anh Đàm Văn H: vẫn giữ yêu cầu khởi kiện. Tuy nhiên, có yêu cầu cụ thể về diện tích thửa đất đề nghị theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ bao gồm cả phần mộ mả của gia đình với diện tích khoảng 598m². Đồng thời được công nhận quyền sử dụng diện tích thửa đất trên cho phía nguyên đơn.

- Bị đơn: Không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì cho rằng thửa đất là của ông, bà tổ tiên để lại từ xưa. Trước đây dòng họ của ông chỉ chia

1/3 thửa đất đang tranh chấp cho gia đình ông A, việc nhường đất cho không có lập giấy tờ nhưng anh em họ hàng đều biết. Giấy tờ mua bán viết tay chữ Hán Nôm Tày do ông A đã nộp là giấy tờ giả, không có giá trị pháp lý nên thửa đất vẫn là của dòng họ ông Triệu Văn Th.

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Chu Thị L, anh Đàm Văn H3 thống nhất theo ý kiến của nguyên đơn. Bà Nông Thị S, bà Triệu Thị B, anh Triệu Văn B1 thống nhất theo ý kiến của bị đơn. Bà Nông Thị O có ý kiến đối với một phần góc phía Bắc thửa đất các bên tranh chấp từ trước đến nay bà không canh tác hay trồng cây gì nhưng nếu nằm trong bìa đỏ của bà thì bà yêu cầu được canh tác, sử dụng.

- Kiểm sát viên phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của đương sự, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 164, 169 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 101, 170 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Triệu Văn Th chấm dứt hành vi cản trở việc quản lý, sử dụng khu đất có mồ mả của gia đình ông Đàm Đức A và công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 598m² cho gia đình ông Đàm Đức A. Buộc ông Triệu Văn Th phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Đàm Đức A yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng diện tích đất đang tranh chấp trên đất có mồ mả của gia đình với diện tích khoảng 598m² có địa chỉ tại khu đồi Đoòng Miào, xóm ĐT, xã DL, huyện HL, tỉnh Cao Bằng và buộc ông Triệu Văn Th chấm dứt hành vi cản trở gia đình ông quản lý, sử dụng thửa đất trên. Các đương sự đều không có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai 2013. Vì vậy, đây là tranh chấp quyền sử dụng đất theo khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, việc Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) và khoản 2 Điều 203 Luật Đất đai 2013.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là đại diện Cộng đồng xóm ĐT, bà Đàm Thị U và người làm chứng vắng mặt, tuy nhiên những người này đã có lời khai và đề nghị xét xử vắng mặt nên vụ án vẫn được xét xử theo thủ tục chung được quy định tại các Điều 228, 229 BLTTDS.

[3]. Về xác định tư cách tham gia tố tụng: Theo đơn khởi kiện và yêu cầu của các đương sự, Tòa án xác định ông H2, bà U, ông H3, bà S, bà B, ông B1 là những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng với một trong các bên đương sự theo quy định Điều 73 BLTTDS. Trong quá trình tố tụng, Tòa án có tiến hành xác minh, tìm hiểu thông tin một số người làm chứng khác, tuy nhiên những người này đều từ chối cung cấp thông tin và đề nghị không tham gia vụ án, do đó Tòa án xét thấy không cần thiết phải lấy lời khai và đưa họ vào tham gia tố tụng. Ngày 14/7/2022, nguyên đơn chết. Bà Hoàng Thị N, bà Đàm Thị T, ông Đàm Văn H, ông Đàm Văn H1 và ông Đàm Xuân Tr đều là hàng thừa kế thứ nhất của ông Đàm Đức A, do đó đây là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn theo quy định khoản 1 Điều 74 BLTTDS.

[4]. Về Nội dung: Đối với yêu cầu công nhận quyền sử dụng thửa đất có mô mã với diện tích 598m², thuộc thửa đất 259, tờ bản đồ số 1 đất lâm nghiệp, địa chỉ tại khu đồi ĐM, xóm ĐT, xã DL, huyện HL, tỉnh Cao Bằng của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

Về nguồn gốc thửa đất, bên nguyên đơn cho rằng thửa đất đã được cụ Triệu Thị Thường là bà nội ông Đàm Đức A mua lại với ông Triệu Văn H4 và có xuất trình chứng cứ là bản giấy tờ mua bán viết tay bằng chữ Hán Nôm Tày từ thời Vua Bảo Đại. Xét về nội dung, hình thức giấy tờ này không thuộc một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013. Bên bị đơn cũng không xuất trình được bất cứ tài liệu, giấy tờ gì liên quan đến thửa đất tranh chấp. Do đó, cả hai bên đương sự đều không có giấy tờ về quyền sử dụng đối với thửa đất đang tranh chấp.

Tuy nhiên, xét trên thực tế và quá trình sử dụng thửa đất thấy rằng: Căn cứ vào lời khai của các đương sự đều xác định trước đây khi còn Hợp tác xã thì khu đất tranh chấp này vẫn được sử dụng để canh tác trồng hoa màu, sau khi Hợp tác xã tan rã khoảng từ năm 1990 thì đất đã bỏ hoang cho đến nay. Theo lời khai của bà Nông Thị O thì trước đây là hàng xóm gần gia đình ông Đàm Thanh Nh và bà Bé Thị H (bố mẹ ông Đàm Xuân H2), bà có thấy bà H canh tác trồng đỗ trắng, khoai lang, khoai sọ; ông S1 là người cùng xóm cũng biết về nguồn gốc đất tranh chấp là do bà Triệu Thị Th1 mua lại, còn mua với ai thì ông không rõ và có việc ông được giúp ông A đắp đất lên quanh khu mộ cho cao, bằng phẳng hơn. Thực tế, trên tổng thể diện tích đất tranh chấp đã có 06 ngôi mộ của dòng họ ông Đàm Đức A, trong đó ngôi mộ đầu tiên là của ông Đàm Văn H5 được chôn cất từ những năm 40 của thế kỷ XX, mới nhất là mộ ông Đàm Văn Tr1 được chôn cất vào năm 2015, quá trình sử dụng thửa đất để chôn cất những ngôi mộ đều không ai có ý kiến gì. Việc gia đình ông A chôn cất mộ là theo tập quán địa phương và mộ đã có trước thời điểm khu đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Cộng đồng xóm BL (nay là xóm ĐT) vào năm 2006, hàng năm các gia đình đều đi “Lễ Tảo Mộ” theo phong tục. Như vậy, gia đình ông Đàm Đức A đã có quá trình quản lý, sử dụng thửa đất ổn định, liên tục, lâu dài và không có tranh chấp với ai cho đến thời điểm mâu thuẫn với bên bị đơn.

Về diện tích đất tranh chấp, tổng diện tích gồm cả 06 ngôi mộ là khoảng 598m², việc nguyên đơn xác định yêu cầu khởi kiện cụ thể đối với diện tích thửa đất theo kết quả thẩm định trên là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Xét về hình thể, vị trí, địa hình thửa đất theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ thì phần đất có mộ và đất chưa có mộ đều là cùng một thửa đất với địa hình tương đồng nhau, có bờ thửa tiếp giáp rõ ràng so với các phần đất xung quanh, mặt khác xung quanh thửa đất có mọc một số cây cối làm ranh giới tự nhiên. Ông Th cho rằng, gia đình ông chỉ được tặng cho bà Th1 2/3 diện tích thửa đất đang tranh chấp để bà Th1 chôn cất ông Đàm Văn H5 nhưng ông không cung cấp được tài liệu chứng minh việc tặng hay nhường cho 2/3 diện tích thửa đất này. Về phần bờ kè đá xếp tiếp giáp ngôi mộ: Gia đình ông A khai, bờ kè đá được gia đình ông A xếp lên từ khoảng năm 1976 là để tạo mặt phẳng đất quanh mộ, không cho đất trên mộ lở xuống, ông S1 khai khoảng năm 1973 khi đi tảo mộ có được giúp ông A đắp đất lên khu mộ để đất cao và bằng phẳng hơn; bên bị đơn cho rằng kè đá do bên gia đình ông Th kè lên để làm ranh giới giữa hai phần đất nhưng không đưa ra được chứng cứ chứng minh; xem xét trên thực tế phần kè đá quanh mộ là kè để đất mộ cao và bằng phẳng hơn, như vậy lời khai của ông A là có căn cứ, phù hợp với lời khai người làm chứng và hiện trạng thực tế phần đất đang sử dụng.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng theo bên nguyên đơn hoặc theo bị đơn đều có lời khai, tuy nhiên các ý kiến đều thống nhất với bên mà họ tham gia tố tụng; những người này đều có mối quan hệ họ hàng với bên đương sự mà họ tham gia tố tụng, đồng thời không đưa ra được tài liệu chứng minh cho ý kiến của mình, do đó những lời khai của họ không thể hiện tính khách quan; đối với lời khai của ông S1, bà O là những người cùng xóm, không có mối quan hệ họ hàng với các bên đương sự nên có tính khách quan và hợp lý. Mặt khác, qua xác minh tại UBND xã ĐL và lời khai của đại diện Cộng đồng xóm ĐT thì việc canh tác, sử dụng đối với khu đất đồi Đoòng Miào và việc chôn cất mồ mả của các gia đình trong xóm là theo phong tục, tập quán địa phương. Việc khu đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì xóm không biết và xóm cũng không có hương ước, quy ước liên quan đến việc sử dụng khu đất trên. Đại diện Cộng đồng xóm ĐT không có yêu cầu gì đối với phần diện tích thửa đất tranh chấp giữa ông A với ông Th. Đối với phần đất ở góc phía Bắc thửa đất đang tranh chấp trên thực địa vẫn là cùng một thửa đất mà gia đình ông A quản lý, sử dụng, bà Nông Thị O từ trước đến nay không canh tác phần đất này, phần đất nằm trong bìu đồ của bà hay không bà không biết, bà O thực tế không quản lý, sử dụng phần góc đất này. Do đó cần công nhận toàn bộ diện tích thửa đất đang tranh chấp gồm cả diện tích 06 ngôi mộ cho gia đình ông Đàm Đức A tiếp tục quản lý và sử dụng.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, căn cứ dựa trên diện tích quản lý, sử dụng đất thực tế, lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và tập quán trong quản lý sử dụng đất và chôn cất người chết tại địa phương, xét thấy quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đưa ra là phù hợp. Do đó, các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Đàm Đức A tạm nộp trước số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng), số tiền này, Hội đồng xem xét thẩm định đã chi

phí hết. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên ông Triệu Văn Th phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng), ông Th phải hoàn trả số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) cho gia đình ông Đàm Đức A theo các Điều 157, 158 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6]. Về án phí: Toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 157, 158, 228 và 229 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 5, 164, 169, 189, 197, 203 Bộ luật Dân sự 2015; Điểm d, khoản 1 Điều 99, Điều 101, 166, 170, 203 Luật Đất đai 2013; Điều 91 của Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

Những người kế thừa quyền lợi và nghĩa vụ của ông Đàm Đức A được quyền quản lý, sử dụng diện tích thửa đất khoảng 598 m², thuộc một phần thửa đất số 259, tờ bản đồ số 1 (bản đồ đất lâm nghiệp năm 2006 xã ĐL), địa chỉ tại LM, BL, xã ĐL, huyện HL, tỉnh Cao Bằng; gồm cả diện tích đất có các ngôi mộ của dòng họ ông Đàm Đức A, riêng phần diện tích đất không có mộ đo từ bờ kè giáp mộ ông Đàm Văn L1 (mộ 6) sang góc phía Bắc là khoảng 219 m²; tứ cận tiếp giáp các thửa đất mà dòng họ Triệu đang canh tác, cụ thể: phía Bắc, phía Đông và phía Nam tiếp giáp các thửa đất thấp hơn mà gia đình ông Triệu Văn Th, Triệu Văn B1, Triệu Văn Q, Triệu Văn C, Triệu Văn L1 đang cải tạo để trồng sản cao sản, phía Tây tiếp giáp thửa đất có bờ cao hơn khoảng 2m (có 02 sơ đồ theo kết quả thẩm định tại chỗ kèm theo).

Buộc ông Triệu Văn Th phải chấm dứt hành vi cản trở những người kế thừa quyền lợi và nghĩa vụ của nguyên đơn quản lý, sử dụng thửa đất trên.

Người kế thừa quyền lợi và nghĩa vụ của ông Đàm Đức A có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích thửa đất trên theo quy định của pháp luật.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Áp dụng khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Buộc ông Triệu Văn Th phải hoàn trả cho người kế thừa quyền lợi và nghĩa vụ của ông Đàm Đức A số tiền 3.000.000đ (ba triệu đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Triệu Văn Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Những người kế thừa quyền lợi và nghĩa vụ của nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo Bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo đối với phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ tại Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo đối với phần liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ tại Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS huyện;
- Chi cục THA dân sự;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký và đóng dấu)

Sầm Đức Hiệp